

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Số: 1778 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bến Tre, ngày 09 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố bộ đơn giá dịch vụ công ích đô thị tỉnh Bến Tre
Phần duy trì cây xanh đô thị**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích;

Căn cứ Thông tư số 06/2008/TT-BXD ngày 20 tháng 3 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;

Căn cứ Quyết định số 593/QĐ-BXD ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Xây dựng công bố định mức dự toán duy trì cây xanh đô thị;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1337/TTr-SXD ngày 03 tháng 8 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bộ đơn giá dịch vụ công ích đô thị tỉnh Bến Tre - Phần duy trì cây xanh đô thị để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo, sử dụng vào việc lập và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Giám đốc Sở Xây dựng có trách nhiệm tổ chức, triển khai, phổ biến và hướng dẫn thực hiện; tổng hợp những vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký công bố và thay thế Công văn số 2179/UBND-TCĐT ngày 01/6/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố đơn giá duy trì cây xanh đô thị tỉnh Bến Tre.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bộ Xây dựng (thay báo cáo);
- TT TU, TT HĐND tỉnh (thay báo cáo);
- CT, Phó CT UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó CVP;
- Ban tiếp công dân (niêm yết), Website tỉnh;
- Phòng N/c: TH, TCĐT, CTTĐT;
- Lưu: VT, SXD, Ph.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]
Cao Văn Trọng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

**ĐƠN GIÁ
DUY TRÌ CÂY XANH ĐÔ THỊ**

Công bố kèm theo Quyết định số 1778/QĐ-UBND
ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre

NĂM 2017



THUYẾT MINH VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

kèm Quyết định số 1778/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

1. Cơ sở xác định đơn giá

- Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích.
- Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.
- Thông tư số 06/2008/TT-BXD ngày 20/3/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị.
- Thông tư số 26/2015/TT-BLĐTBXH ngày 14/7/2015 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
- Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.
- Quyết định số 593/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 của Bộ Xây dựng công bố Định mức dự toán duy trì cây xanh đô thị.
- Quyết định số 1134/QĐ-BXD ngày 08/10/2015 của Bộ Xây dựng công bố định mức các hao phí xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng.
- Công văn số 2461 /UBND-KGVX ngày 19/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc đồng ý phê duyệt hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương trên địa bàn tỉnh Bến Tre.
- Công văn số 1079 /SXD-KT&VLXD ngày 28/6/2017 của Sở Xây dựng tỉnh Bến Tre về việc áp dụng đơn giá nhân công dịch vụ công ích đô thị tỉnh Bến Tre.

2. Nội dung đơn giá

Đơn giá Duy trì cây xanh đô thị bao gồm các chi phí cần thiết về vật liệu (phân bón, thuốc trừ sâu, nước tưới, vật tư khác), nhân công và một số phương tiện máy móc thiết bị để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác duy trì cây xanh đô thị.

a) Chi phí vật liệu:

- Chi phí vật liệu trong đơn giá bao gồm chi phí vật liệu chính, vật liệu phụ cần cho việc thực hiện và hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác duy trì cây xanh đô thị. Chi phí vật liệu trong đơn giá đã bao gồm hao hụt vật liệu trong quá trình thực hiện công việc.

- Giá vật liệu xác định theo công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Bến Tre (mức giá chưa có thuế giá trị gia tăng). Đối với những loại vật liệu chưa có trong thông báo giá thì tham khảo mức giá tại thị trường.

b) Chi phí nhân công:

- Chi phí nhân công trong Đơn giá áp dụng mức lương cơ sở là 1.300.000 đồng/tháng (quy định tại Nghị định số 47/2017/NĐ-CP).

- Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương $H_{đc}$ trong giá sản phẩm dịch vụ công ích áp dụng trên địa bàn tỉnh theo Công văn số 2461/UBND-KGVX ngày 19/5/2016 của Ủy ban nhân tỉnh Bến Tre và công văn số 1079/SXD-KT&VLXD ngày 28/6/2017 của Sở Xây dựng tỉnh Bến Tre. Cụ thể như sau:

+ Thành phố Bến Tre và huyện Châu Thành (vùng III): $H_{đc} = 0,6$.

+ Các địa bàn còn lại (vùng IV): $H_{đc} = 0,5$.

- Hệ số lương áp dụng theo Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BLĐTBXH:

+ Công nhân thực hiện các dịch vụ công ích đô thị và vận hành các loại máy: Bảng số 6, Phần I – Lao động trực tiếp sản xuất.

+ Công nhân lái xe: Bảng số 3, Phần II – Lao động chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ.

- Các khoản chi phí có liên quan như: Tiền ăn giữa ca, các khoản phí, lệ phí, các khoản chi phí khác,... đã được tính trong khoản mục chi phí quản lý chung (Thông tư số 06/2008/TT-BXD).

c) Chi phí máy thi công:

- Chi phí máy thi công là chi phí sử dụng các phương tiện máy móc thiết bị để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác duy trì cây xanh đô thị.

- Chi phí máy thi công bao gồm: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhiên liệu, năng lượng, chi phí nhân công điều khiển và chi phí khác.

- Giá nhiên liệu, năng lượng (chưa có thuế giá trị gia tăng) sử dụng để tính chi phí nhiên liệu, năng lượng là:

+ Xăng RON 92: 15.700 đồng/lít

+ Đêzen 0,05S: 12.364 đồng/lít

+ Điện: 1.622 đồng/kWh

3. Kết cấu tập đơn giá

Đơn giá Duy trì cây xanh đô thị được trình bày theo nhóm, loại công tác và được mã hóa thống nhất gồm 3 chương:

Chương I	CX1.01.11-CX1.07.01	Duy trì thảm cỏ
Chương II	CX2.01.11- CX2.17.01	Duy trì cây trang trí
Chương III	CX3.01.01- CX3.11.03	Duy trì cây bóng mát

4. Hướng dẫn sử dụng

- Đơn giá Duy trì cây xanh đô thị tỉnh Bến Tre được công bố để các tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo trong công tác lập và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

- Chi phí vật liệu, công cụ lao động khác (như dao, kéo, bay, găng tay, thùng chứa, cuốc, ...) trực tiếp sử dụng cho quá trình thực hiện công việc chưa tính trong đơn giá này. Các chi phí này được xác định trong chi phí quản lý chung của dự toán chi phí thực hiện công tác duy trì cây xanh đô thị theo hướng dẫn tại Thông tư số 06/2008/TT-BXD.

- Trường hợp công tác duy trì cây xanh đô thị của địa phương có yêu cầu kỹ thuật và điều kiện thực hiện khác với quy định trong tập đơn giá hoặc những loại công tác duy trì cây xanh đô thị chưa được quy định định mức thì các tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ tiến hành điều chỉnh định mức hoặc xác lập định mức mới và gửi các định mức này về Sở Xây dựng để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố áp dụng.

- Đơn giá Duy trì cây xanh đô thị tỉnh Bến Tre được tính theo mức lương điều chỉnh vùng III, $ML_{dc3} = 2.080.000$ đồng/tháng áp dụng trên địa bàn thành phố Bến Tre và huyện Châu Thành.

- Địa bàn các huyện còn lại thuộc vùng IV, mức lương điều chỉnh $ML_{dc4} = 1.950.000$ đồng/tháng, khi áp dụng tập đơn giá này thì được tính chuyển đổi theo các hệ số sau:

$$\text{Hệ số nhân công } K_{nc4} = 0,938.$$

$$\text{Hệ số máy thi công } K_{mtc4} = 0,979.$$

- Việc tính toán từ chi phí vật liệu, nhân công, máy thành đơn giá chung của toàn bộ công tác thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 06/2008/TT-BXD ngày 20/3/2008 của Bộ Xây dựng, khi có quy định mới thì áp dụng theo quy định mới.

BẢNG GIÁ VẬT LIỆU
(Giá chưa có thuế giá trị gia tăng)

Stt	Tên vật tư	Đơn vị	Đơn giá (đồng)
1	A dao	kg	18.000
3	Cây chống D60, H = 3 - 3,5m	cây	14.545
2	Cây chống D30, H = 2,5 - 3m	cây	15.000
4	Cây giống D = 1 - 2cm, H = 0,5 - 1,2m	cây	30.000
5	Cây giống D = 2 - 3cm, H = 1,3 - 2m	cây	50.000
6	Cây giống D = 3 - 5cm, H = 2 - 2,5m	cây	120.000
7	Cây giống D = 5 - 7cm, H = 2,5 - 3m	cây	200.000
8	Cây hàng rào	cây	500
9	Cỏ lá tre	kg	20.000
10	Cỏ nhung	kg	45.000
11	Cỏ giống	m ²	20.000
12	Chậu cảnh D = 20 - 40cm (chậu đúc)	chậu	30.000
13	Cây lá màu, kiểng	giò	25.000
14	Chậu cảnh D = 45 - 60cm (chậu đúc)	chậu	130.000
15	Chậu cảnh D = 65 - 80cm (chậu quay)	chậu	150.000
16	Chậu cảnh D = 0,8 - 1,2m (chậu quay)	chậu	230.000
17	Cỏ lông heo	kg	20.000
18	Dây kẽm 1mm	kg	18.182
19	Đinh	kg	27.273
20	Điện năng	kwh	1.622
21	Điêzen 0,05S	lít	12.364
22	Đất mùn đen trộn cát mịn	m ³	50.000
23	Đất màu phù sa	m ³	50.000
24	Hoa giống loại ngắn ngày	cây	8.500
25	Hoa giò loại ngắn ngày	giò	12.000
26	Hoa giống loại dài ngày	cây	8.500
28	Hoa giò loại dài ngày	giò	12.000
27	Nẹp gỗ	cây	2.000
29	Nước máy	m ³	10.909
30	Nước giếng	m ³	4.000
31	Phân vi sinh	kg	4.364
32	Sơn	kg	75.758

Stt	Tên vật tư	Đơn vị	Đơn giá (đồng)
33	Thuốc trừ sâu	lít	280.000
34	Thuốc xử lý đất	kg	220.000
35	Vôi bột	kg	2.545
36	Xăng RON 92	lít	15.700

BẢNG ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG

* Hcb: Hệ số bậc lương của công nhân công trình đô thị quy định tại Thông tư số 26/2015/TT-BLĐTBXH ngày 14/7/2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

* MLcs: Mức lương cơ sở là 1.300.000 đồng/tháng quy định tại Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính phủ.

* H_{đc}: Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương bằng 0,6 (thành phố Bến Tre và huyện Châu Thành); bằng 0,5 (các địa bàn còn lại) theo Quyết định số 2461/UBND-KGVX ngày 19/5/2016 của Ủy ban nhân tỉnh Bến Tre và công văn số 1079/SXD-KT&VLXD ngày 28/6/2017 của Sở Xây dựng tỉnh Bến Tre:

- Thành phố Bến Tre và huyện Châu Thành (vùng III): mức lương điều chỉnh ML_{đc} = 1.300.000 x (1+0,6) = 2.080.000 đồng/tháng.

TT	Chức danh công việc	Bậc lương	Hệ số lương	Đơn giá (đồng/công)
			(Hcb)	Vùng III
I.6.a Dịch vụ công ích đô thị - Nhóm I (điều kiện lao động bình thường) :				
1	Quản lý công viên; Bảo quản, phát triển cây xanh	3/7	2,16	172.800
2	- nt -	3,5/7	2,36	188.800
3	- nt -	4/7	2,55	204.000
I.6.b Dịch vụ công ích đô thị - Nhóm II (điều kiện lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm) :				
4	Vận hành các loại máy	3/7	2,31	184.800
5	- nt -	3,5/7	2,51	200.800
6	- nt -	4/7	2,71	216.800
I.6.c Công trình đô thị - Nhóm III (điều kiện lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm) :				
7	Phun thuốc trừ sâu cỏ, bồn hoa, cây xanh; Chặt hạ cây	4/7	2,92	233.600
II.3 Công nhân lái xe:				
Nhóm 1: Xe con, xe tải, xe cầu dưới 3,5 tấn, xe khách dưới 20 ghế				
8	Công nhân lái xe - nhóm 1	1/4	2,18	174.400
9	- nt -	2/4	2,57	205.600
10	- nt -	3/4	3,05	244.000
Nhóm 2: Xe tải, xe cầu từ 3,5 tấn đến dưới 7,5 tấn, xe khách từ 20 ghế đến dưới 40 ghế				
11	Công nhân lái xe - nhóm 2	1/4	2,35	188.000
12	- nt -	2/4	2,76	220.800
13	- nt -	3/4	3,25	260.000
Nhóm 3: Xe tải, xe cầu từ 7,5 tấn đến dưới 16,5 tấn, xe khách từ 40 ghế đến dưới 60 ghế				
14	Công nhân lái xe - nhóm 3	1/4	2,51	200.800
15	- nt -	2/4	2,94	235.200
16	- nt -	3/4	3,44	275.200

BẢNG GIÁ CA MÁY VÀ THIẾT BỊ

Stt	Loại máy và thiết bị	Định mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng	Nhân công điều khiển máy	Nguyên giá (1000 đồng)	Chi phí nhiên liệu, năng lượng (C _{NL}) (đồng/ca)	Chi phí nhân công điều khiển (C _{NC}) (đồng/ca)	Giá ca máy (C _{CM}) (đồng/ca)
Ô tô vận tải thùng - trọng tải:							
1	2,0T	12 lít xăng	1x2/4 lái xe nhóm 1	159.800	190.284	205.600	602.171
2	2,5T	13 lít xăng	1x2/4 lái xe nhóm 1	191.000	206.141	205.600	650.491
Ô tô tự đổ - trọng tải:							
3	2T	15 lít xăng	1x2/4 lái xe nhóm 1	198.000	237.855	205.600	662.778
Ô tô tưới nước - dung tích:							
4	5m ³	23 lít diesel	1x3/4 lái xe nhóm 2	433.900	290.059	260.000	1.003.682
5	7-8m ³	26 lít diesel	1x3/4 lái xe nhóm 3	600.300	327.893	275.200	1.197.936
Xe ô tô tải có gắn cần trục - trọng tải xe:							
6	2,5T	22 lít diesel	1x1/4+1x3/4 lái xe nhóm 1	343.425	277.448	418.400	1.066.461
7	5T	27 lít diesel	1x1/4+1x3/4 lái xe nhóm 2	661.550	340.505	448.000	1.502.427
Cần trục ô tô - sức nâng:							
8	3T	25 lít diesel	1x1/4+1x3/4 lái xe nhóm 1	563.300	315.282	418.400	1.222.729
Máy bơm nước, động cơ điện - công suất:							
9	1,5kW	4 kwh	1x3/7	3.200	6.683	184.800	196.229
Máy bơm nước, động cơ xăng - công suất:							
10	3CV	1,6 lít xăng	1x4/7	8.600	25.371	216.800	259.830
Máy cưa gỗ cầm tay - công suất:							
11	1,3kW	3 kwh	1x4/7	7.600	5.012	216.800	242.949
Máy cắt cỏ, máy cưa cây, động cơ xăng - công suất:							
12	3cv	2 lít xăng	1x4/7	8.600	31.714	216.800	272.433
Xe thang - chiều dài thang:							
13	12m	29 lít diesel	1x1/4+1x3/4 lái xe nhóm 2	1.196.000	365.727	448.000	1.793.527

CHƯƠNG I
DUY TRÌ THẨM CỎ

CX1.01.00 Tưới nước thâm cỏ thuần chủng và không thuần chủng (tiểu đảo, dải phân cách ..)

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều ướt đầm thâm cỏ, tùy theo địa hình từng khu vực, nước tưới lấy từ giếng khoan bơm lên tưới trực tiếp hoặc nước máy lấy từ nguồn cung cấp của thành phố tưới tại chỗ hoặc bằng xe chở bồn tới những khu vực xa nguồn nước.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

*** Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì thâm cỏ được quy định như sau :**

+ Lượng nước tưới : 7lít/m² (cỏ thuần chủng); 9 lít/m² (cỏ không thuần chủng); Số lần tưới 240 lần/năm.

CX1.01.10 Tưới nước giếng khoan thâm cỏ thuần chủng bằng máy bơm

Đơn vị tính : đồng/100m²/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Tưới nước giếng khoan thâm cỏ thuần chủng bằng máy bơm				
CX1.01.11	- Chạy xăng 3CV	100m ² /lần	2.800	18.314	25.204
CX1.01.12	- Chạy điện 1,5kW	-	2.800	24.166	25.117

CX1.01.20 Tưới nước thâm cỏ thuần chủng bằng thủ công

Đơn vị tính : đồng/100m²/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
CX1.01.21	Tưới nước thâm cỏ thuần chủng bằng thủ công	100m ² /lần	7.636	32.096	

CX1.01.30 Tưới nước thấm cỏ thuần chủng bằng xe bồnĐơn vị tính : đồng/100m²/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Tưới nước thấm cỏ thuần chủng bằng				
CX1.01.31	- Xe bồn 5m ³	100m ² /lần	7.636	26.621	42.355
CX1.01.32	- Xe bồn 8m ³	-	7.636	26.621	32.105

CX1.01.40 Tưới nước giếng khoan thấm cỏ không thuần chủng (tiểu đảo, dải phân cách...) bằng máy bơmĐơn vị tính : đồng/100m²/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Tưới nước giếng khoan thấm cỏ không thuần chủng (tiểu đảo, dải phân cách...) bằng máy bơm				
CX1.01.41	- Chạy xăng 3CV	100m ² /lần	3.600	26.621	29.880
CX1.01.42	- Chạy điện 1,5kW	-	3.600	28.886	30.023

CX1.01.50 Tưới nước thấm cỏ không thuần chủng (tiểu đảo, dải phân cách...) bằng thủ côngĐơn vị tính : đồng/100m²/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Tưới nước thấm cỏ không thuần chủng (tiểu đảo, dải phân cách...) bằng thủ công				
CX1.01.51		100m ² /lần	9.818	40.970	

CX1.01.60 Tưới nước thấm cỏ không thuận chũng (tiểu đảo, dải phân cách...) bằng xe bồn

Đơn vị tính : đồng/100m²/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Tưới nước thấm cỏ thuận chũng bằng				
CX1.01.61	- Xe bồn 5m ³	100m ² /lần	9.818	24.166	46.169
CX1.01.62	- Xe bồn 8m ³	-	9.818	24.166	32.105

CX1.02.00 Phát thấm cỏ thuận chũng và thấm cỏ không thuận chũng (tiểu đảo, dải phân cách...)

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Phát thấm cỏ thường xuyên, duy trì thấm cỏ luôn bằng phẳng và đảm bảo chiều cao cỏ bằng 5cm, tùy theo địa hình và điều kiện chăm sóc từng vị trí mà dùng máy cắt cỏ, phân hoặc dùng liềm.

- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30m.

CX1.02.10 Phát thấm cỏ bằng máy

Đơn vị tính : đồng/100m²/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Phát thấm cỏ bằng máy,				
CX1.02.11	- Thấm cỏ thuận chũng	100m ² /lần		29.580	16.428
CX1.02.12	- Thấm cỏ không thuận chũng	-		22.032	12.259

CX1.02.20 Phát thấm cỏ bằng thủ công

Đơn vị tính : đồng/100m²/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Phát thấm cỏ bằng thủ công,				
CX1.02.21	- Thấm cỏ thuận chũng	100m ² /lần		91.800	
CX1.02.22	- Thấm cỏ không thuận chũng	-		73.440	

CX1.03.00 Xén lẻ cỏ

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Xén thẳng lẻ cỏ theo chu vi, cách bó vỉa 10cm.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30m.
- Chùi rửa, cất dụng cụ vào nơi quy định.

Đơn vị tính : đồng/100md/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
CX1.03.01	Xén lẻ cỏ lá tre	100m/lần		61.200	
CX1.03.02	Xén lẻ cỏ nhung	-		91.800	

CX1.04.00 Làm cỏ tạp

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Nhổ sạch cỏ khác lẫn trong cỏ thuần chủng, đảm bảo thảm cỏ được duy trì có lẫn không quá 5% cỏ dại.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30m.
- Chùi rửa, cất dụng cụ vào nơi quy định.

Đơn vị tính : đồng/100m²/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
CX1.04.01	Làm cỏ tạp	100m ² /lần		61.200	

CX1.05.00 Trồng dặm cỏ

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Thay thế các chỗ cỏ chết hoặc bị dẫm nát, cỏ trồng dặm cùng giống với cỏ hiện hữu.
- Đảm bảo sau khi trồng dặm thảm cỏ được phủ kín không bị mất khoảng.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30m.
- Chùi rửa, cất dụng cụ vào nơi quy định.

Đơn vị tính : đồng/1m²/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
CX1.05.01	Trồng dặm cỏ lá tre	1m ² /lần	51.408	27.948	
CX1.05.02	Trồng dặm cỏ nhung	-	49.187	15.708	
CX1.05.03	Trồng dặm cỏ lông heo	-	22.437	15.708	

CX1.06.00 Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Phun thuốc trừ sâu cỏ.
- Mỗi năm phòng trừ 2 đợt, mỗi đợt phun 3 lần, mỗi lần cách nhau 5 đến 7 ngày.
- Chùi rửa, cất dụng cụ vào nơi quy định.

Đơn vị tính : đồng/100m²/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
CX1.06.01	Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ	100m ² /lần	4.200	16.586	

CX1.07.00 Bón phân thâm cỏ

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Rải đều phân trên toàn bộ diện tích thâm cỏ.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công

Đơn vị tính : đồng/100m²/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
CX1.07.01	Bón phân thâm cỏ	100m ² /lần	13.092	18.360	

CHƯƠNG II
DUY TRÌ CÂY TRANG TRÍ

CX2.01.00 Duy trì bồn hoa

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều nước ướt đầm đất tại gốc cây, kết hợp phun nhẹ rửa sạch lá tùy theo địa hình từng khu vực, nước tưới lấy từ giếng khoan bơm lên tưới trực tiếp hoặc nước máy lấy từ nguồn cung cấp của thành phố tưới tại chỗ hoặc bằng xe chở bồn tới khu vực xa nguồn nước.
- Don dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn rác thải trong phạm vi 30m.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

*** Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì bồn hoa được quy định như sau :**

+ Lượng nước tưới : 7lít/m²; Số lần tưới 420 lần/năm.

*** Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì bồn cảnh, hàng rào được quy định như sau:**

+ Lượng nước tưới : 7lít/m²; Số lần tưới 240 lần/năm.

CX2.01.10 Tưới nước giếng khoan bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng máy bơm

Đơn vị tính : đồng/100m²/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Tưới nước giếng khoan bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng máy bơm				
CX2.01.11	- Chạy xăng 3CV	100m ² /lần	2.800	19.258	26.503
CX2.01.12	- Chạy điện 1,5kW	-	2.800	24.166	25.117

CX2.01.20 Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng thủ công

Đơn vị tính : đồng/100m²/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
CX2.01.21	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng thủ công	100m ² /lần	7.636	38.893	

CX2.01.30 Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng xe bồnĐơn vị tính : đồng/100m²/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng				
CX2.01.31	- Xe bồn 5m ³	100m ² /lần	7.636	26.810	43.158
CX2.01.32	- Xe bồn 8m ³	-	7.636	26.810	32.344

CX2.02.00 Công tác thay hoa bồn hoa*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Nhổ sạch hoa tàn, dùng cuốc xẻng xới tơi đất, san bằng mặt bồn theo đúng quy trình.
- Trồng hoa theo chủng loại được chọn, dùng vòi sen nhỏ tưới nhẹ sau khi trồng.
- Don dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn rác thải trong phạm vi 30m.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

Đơn vị tính : đồng/100m²/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
CX2.02.01	Công tác thay hoa bồn hoa - Bểng hoa giống loại ngắn ngày	100m ² /lần	21.250.000	612.000	
CX2.02.02	- Bểng hoa giỏ loại ngắn ngày	-	19.200.000	550.800	
CX2.02.03	- Bểng hoa giống loại dài ngày	-	21.250.000	612.000	
CX2.02.04	- Bểng hoa giỏ loại dài ngày	-	19.200.000	550.800	

CX2.03.00 Phun thuốc trừ sâu bồn hoa

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Pha thuốc, phun thuốc theo quy định.
- Chùi rửa, cất dụng cụ vào nơi quy định.

Đơn vị tính : đồng/100m²/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
CX2.03.01	Phun thuốc trừ sâu bồn hoa	100m ² /lần	4.200	39.011	

CX2.04.00 Bón phân và xử lý đất bồn hoa

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Trộn phân với thuốc xử lý đất theo đúng tỷ lệ.
- Bón đều phân vào gốc cây.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn rác thải trong phạm vi 30m.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

Đơn vị tính : đồng/100m²/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
CX2.04.01	Bón phân và xử lý đất bồn hoa	100m ² /lần	65.820	61.404	

CX2.05.00 Duy trì bồn cảnh lá màu (bao gồm bồn cảnh ở công viên cổ hàng rào và không có hàng rào)

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Nhổ bỏ gốc cây xấu, xới đất, trồng dặm.
- Nhổ bỏ cỏ dại; cắt tỉa bấm ngọn.
- Bón phân vi sinh.
- Phun thuốc trừ sâu cho cây.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

Đơn vị tính : đồng/100m²/năm

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Duy trì bồn cảnh lá màu				
CX2.05.01	- Có hàng rào	100m ² / năm	8.051.094	3.616.920	
CX2.05.02	- Không hàng rào	-	12.069.168	4.551.240	

CX2.06.00 Duy trì cây hàng rào, đường viên

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Cắt sửa hàng rào vuông thành sắc cạnh, đảm bảo độ cao quy định, làm cỏ vun gốc.
- Bón phân vi sinh. - Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

Đơn vị tính : đồng/100m²/năm

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Duy trì cây hàng rào, đường viên				
CX2.06.01	- Cao <1m	100m ² / năm	29.239	2.478.600	
CX2.06.02	- Cao ≥1m	-	29.239	3.937.200	

CX2.07.00 Trồng dặm cây hàng rào, đường viên

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Nhổ bỏ gốc cây xấu, xới đất, trồng dặm.
- Nhổ bỏ cỏ dại; cắt tỉa bấm ngọn, bón phân vi sinh.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công. - Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

Đơn vị tính : đồng/m² trồng dặm/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
CX2.07.01	Trồng dặm cây hàng rào, đường viên	m ² trồng dặm/lần	15.712	6.797	

CX2.08.00 Tưới nước cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều nước ướt đầm đất tại gốc cây, kết hợp phun nhẹ rửa sạch lá tùy theo địa hình từng khu vực, nước tưới lấy từ giếng khoan bơm lên tưới trực tiếp hoặc nước máy lấy từ nguồn cung cấp của thành phố tưới tại chỗ hoặc bằng xe chở bồn tới khu vực xa nguồn nước.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

*** Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình được quy định như sau :**

+ Lượng nước tưới : 7lít/m²; Số lần tưới 240 lần/năm.

CX2.08.10 Tưới nước giếng khoan cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình bằng máy bơm

Đơn vị tính : đồng/100 cây/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Tưới nước giếng khoan cây ra hoa, tạo hình bằng máy bơm				
CX2.08.11	- Chạy xăng 3CV	100cây/ lần	2.800	18.314	25.204
CX2.08.12	- Chạy điện 1,5kW	-	2.800	24.166	25.117

CX2.08.20 Tưới nước cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình bằng thủ công

Đơn vị tính : đồng/100 cây/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
CX2.08.21	Tưới nước cây ra hoa, tạo hình bằng thủ công	100cây/ lần	7.636	36.250	

CX2.08.30 Tưới nước cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình bằng xe bồn

Đơn vị tính : đồng/100 cây/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Tưới nước cây ra hoa, tạo hình bằng				
CX2.08.31	- Xe bồn 5m ³	100cây/ lần	7.636	26.621	42.355
CX2.08.32	- Xe bồn 8m ³	-	7.636	236.000	29.110

CX2.09.00 Duy trì cây cảnh trở hoa*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Cắt sửa tán gọn gàng, cân đối.
- Bón phân vi sinh.
- Phun thuốc trừ sâu cho cây.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

Đơn vị tính : đồng/100 cây/năm

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
CX2.09.01	Duy trì cây cảnh trở hoa	100 cây/năm	297.760	9.455.400	
CX2.09.02	Duy trì cây cảnh tạo hình có trở hoa	-	297.760	10.401.960	

CX2.10.00 Trồng dặm cây cảnh trở hoa

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Nhổ bỏ cây cảnh xấu, hỏng, xới đất, trồng cây cảnh, tưới nước.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.

Đơn vị tính : đồng/100 cây

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
CX2.10.01	Trồng dặm cây cảnh trở hoa, cây giống - D = 1 - 2cm, H = 0,5 - 1,2m	100 cây	3.000.000	2.548.800	
CX2.10.02	- D = 2 - 3cm, H = 1,3 2m	-	5.000.000	2.548.800	
CX2.10.03	- D = 3 - 5cm, H = 2 - 2,5m	-	12.000.000	2.548.800	
CX2.10.04	- D = 5 - 7cm, H = 2,5 3m	-	20.000.000	2.548.800	

CX2.11.01 Duy trì cây cảnh tạo hình

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Cắt tỉa cây theo hình quy định.
- Bón phân vi sinh.
- Phun thuốc trừ sâu cho cây.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

Đơn vị tính : đồng/100 cây/năm

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
CX2.11.01	Duy trì cây cảnh tạo hình	100 cây/năm	266.960	7.858.080	

CX2.12.00 Tưới nước cây cảnh trồng chậu

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều nước ướt đẫm gốc cây, kết hợp phun nhẹ rửa sạch lá tùy theo địa hình theo khu vực, nước tưới lấy từ giếng khoan bơm lên tưới trực tiếp hoặc nước máy lấy từ nguồn cung cấp của thành phố tưới tại chỗ hoặc bằng xe bồn tới những khu vực xa nguồn nước.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định

*** Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì cây cảnh trồng chậu được quy định như sau:**

+ Lượng nước tưới : 5 lít/cây; Số lần tưới 240 lần/năm.

CX2.12.00 Tưới nước giếng khoan cây cảnh trồng chậu bằng máy bơm

Đơn vị tính : đồng/100chậu/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Tưới nước giếng khoan cây cảnh trong chậu bằng máy bơm				
CX2.12.01	- Chạy xăng 3CV	100 chậu/lần	1.200	12.083	15.928
CX2.12.02	- Chạy điện 1,5kW	-	1.200	16.803	16.307

CX2.12.20 Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng thủ công

Đơn vị tính : đồng/100chậu/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
CX2.12.21	Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng thủ công	100 chậu/lần	3.273	26.621	

CX2.12.30 Tưới nước máy cây cảnh trồng chậu bằng xe bồn

Đơn vị tính : đồng/100chậu/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng				
CX2.12.31	- Xe bồn 5m ³	100 chậu/lần	3.273	16.898	28.203
CX2.12.32	- Xe bồn 8m ³	-	3.273	19.258	23.000

CX2.13.00 Thay đất, phân chậu cảnh*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Xúc bỏ đất cũ, thay đất mới đã được trộn đều với phân và thuốc xử lý đất.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

Đơn vị tính : đồng/100chậu/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Thay đất, phân chậu cảnh				
CX2.13.01	- Bằng đất mùn đen trộn cát mịn	100 chậu/lần	2.387.280	1.836.000	
CX2.13.02	- Bằng đất màu phù sa	-	2.387.280	1.836.000	

CX2.14.00 Duy trì cây cảnh trồng chậu*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Cắt tỉa cảnh hoặc chồi mọc không thích hợp thực hiện 6 lần/năm.
- Bón phân vi sinh 2 lần/năm; phun thuốc trừ sâu 3 đợt, mỗi đợt 2 lần.
- Nhổ cỏ dại, xới tơi đất thực hiện 4 lần/năm.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

Đơn vị tính : đồng/100chậu/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
CX2.14.01	Duy trì cây cảnh trồng chậu	100 chậu/lần	205.864	5.875.200	

CX2.15.00 Trồng dặm cây cảnh trồng chậu

Đơn vị tính : đồng/100chậu

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
CX2.15.01	Trồng dặm cây cảnh trồng chậu	100 chậu	3.021.820	1.699.200	

CX2.16.00 Thay chậu hồng, vớ

Đơn vị tính : đồng/100chậu/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
CX2.16.01	Thay chậu cảnh hồng, vớ	100 chậu/lần	3.000.000	1.632.000	

CX2.17.00 Duy trì cây leo

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Làm cỏ xới gốc, rũ giàn, tưới nước.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

*** Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì cây leo được quy định như sau:**

+ Lượng nước tưới : 5 lít/cây; Số lần tưới 175 lần/năm.

Đơn vị tính : đồng/10cây/lần

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
CX2.17.01	Duy trì cây leo	10cây/lần	837	22.032	

CHƯƠNG III

DUY TRÌ CÂY BÓNG MÁT

Phân loại cây bóng mát :

- Cây bóng mát mới trồng : Cây sau khi trồng được 90 ngày đến 2 năm.
- Cây bóng mát trồng sau 2 năm :
- + Cây bóng mát loại 1 : Cây cao $\leq 6m$ và có đường kính gốc cây $\leq 20cm$
- + Cây bóng mát loại 2 : Cây cao $\leq 12m$ và có đường kính gốc $\leq 50cm$.
- + Cây bóng mát loại 3 : Cây cao $> 12m$ hoặc có đường kính gốc $> 50cm$

CX3.01.00 Duy trì cây bóng mát mới trồng

Thành phần công việc:

- Tưới nước ướt đẫm gốc cây.
- Bón phân hữu cơ gốc cây thực hiện trung bình 1 lần/năm.
- Sửa tán, tạo hình và tẩy chồi: dùng kéo (hoặc cưa) cắt tỉa những cành hoặc chồi mọc không thích hợp với kiểu dáng cần tạo thực hiện trung bình 4 lần/năm.
- Chống sửa cây nghiêng: thực hiện trung bình 2 lần/năm.
- Vệ sinh quanh gốc cây: Nhổ cỏ dại quanh gốc cây, dọn dẹp rác quanh gốc cây thu gom vận chuyển đến chỗ nơi quy định, thực hiện 4 lần/năm.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.

Đơn vị tính : đồng/1cây/năm

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Duy trì cây bóng mát mới trồng, dùng cây chống				
CX3.01.01	- D60, H = 3-3,5m	cây/năm	132.356	212.976	248.913
CX3.01.02	- D30, H = 2,5-3m	-	133.742	212.976	248.913

CX3.02.00 Duy trì thảm cỏ gốc bóng mát.

(Diện tích thảm cỏ bình quân 3m²/bồn)

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc.
- Tưới nước bằng xe bồn.
- Phát và xén thảm cỏ và dọn dẹp vệ sinh thực hiện trung bình 8 lần/năm.
- Làm cỏ tạp thực hiện trung bình 12 lần/năm.
- Dọn vệ sinh rác trên thảm cỏ.
- Trồng dặm cỏ 30%.
- Bón phân vi sinh thảm cỏ thực hiện trung bình 2 lần/năm.
- Phòng trừ sâu cỏ thực hiện trung bình 6 lần/năm.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công, chùi rửa cất dụng cụ tại nơi quy định.

*** Lượng nước tưới và số lần tưới để duy trì bồn cỏ chậu được quy định như sau:**

+ Lượng nước tưới : 20 lít/m²; Số lần tưới 240 lần/năm.

Đơn vị tính : đồng/1 bồn/năm

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
CX3.02.01	Duy trì thảm cỏ gốc cây bóng mát	bồn/năm	90.121	744.600	749.722

CX3.03.00 Duy trì cây bóng mát loại 1

Thành phần công việc:

- Nhận kế hoạch thông báo việc cắt sửa, khảo sát hiện trường, liên hệ cắt điện.
- Chuẩn bị vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc, giải phóng mặt bằng, bảo vệ cảnh giới đảm bảo giao thông, an toàn lao động.
- Lấy nhánh khô, mé nhánh tạo tán cân đối, sơn vết cắt thực hiện trung bình 2 lần/năm.
- Tẩy chồi thực hiện trung bình 4 lần/năm.
- Chống sửa cây nghiêng thực hiện 1 lần/năm.
- Vệ sinh quanh gốc cây thực hiện trung bình 12 lần/năm.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa cắt dụng cụ tại nơi quy định.

Đơn vị tính : đồng/1 cây/năm

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
CX3.03.01	Duy trì cây bóng mát loại 1, dùng cây chống - D60, H = 3-3,5m	cây/năm	5.180	82.620	
CX3.03.02	- D30, H = 2,5-3m	-	5.271	82.620	

CX3.04.00 Duy trì cây bóng mát loại 2

Thành phần công việc:

- Nhận kế hoạch thông báo việc cắt sửa, khảo sát hiện trường, liên hệ cắt điện.
- Chuẩn bị vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc, giải phóng mặt bằng, bảo vệ cảnh giới đảm bảo giao thông, an toàn lao động.
- Lấy nhánh khô, mé nhánh tạo tán cân đối, sơn vết cắt thực hiện trung bình 2 lần/năm.
- Tẩy chồi thực hiện trung bình 3 lần/năm.
- Chống sửa cây nghiêng thực hiện 1 lần/năm.
- Vệ sinh quanh gốc cây thực hiện trung bình 12 lần/năm.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa cắt dụng cụ tại nơi quy định.

Đơn vị tính : đồng/1 cây/năm

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
CX3.04.01	Duy trì cây bóng mát loại 2	cây/năm	1.735	520.200	132.993

CX3.05.00 Duy trì cây bóng mát loại 3

Thành phần công việc:

- Nhận kế hoạch thông báo việc cắt sửa, khảo sát hiện trường, liên hệ cắt điện.
- Chuẩn bị vật tư, dụng cụ đến nơi làm việc, giải phóng mặt bằng, bảo vệ cảnh giới đảm bảo giao thông và đặc biệt phải an toàn lao động.
- Lấy nhánh khô, mé nhánh tạo tán cân đối, sơn vết cắt thực hiện trung bình 2 lần/năm.
- Gỡ phụ sinh, ký sinh thông thường.
- Vệ sinh quanh gốc cây thực hiện trung bình 12 lần/năm.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa cắt dụng cụ tại nơi quy định.

Đơn vị tính : đồng/1 cây/năm

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
CX3.05.01	Duy trì cây bóng mát loại 3	cây/năm	2.872	1.062.840	219.082

CX3.06.00 Giải toả cành cây gãy

Thành phần công việc:

- Cảnh giới giao thông.
- Giải toả cành cây gãy đổ, nhanh chóng giải phóng mặt bằng.
- Cắt bằng vết cây gãy, sơn vết cắt.
- Dọn dẹp vệ sinh, thu gom cành lá, vận chuyển về vị trí theo quy định.

Đơn vị tính : đồng/cây

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
CX3.06.01	Giải toả cành cây gãy, - Cây loại 1	cây		63.072	17.163
CX3.06.02	- Cây loại 2	-	1.922	252.288	83.638
CX3.06.03	- Cây loại 3	-	2.307	420.480	106.431

CX3.07.00 Cắt thấp tán, không chế chiều cao*Thành phần công việc:*

- Cảnh giới giao thông.
- Cắt thấp tán cây, không chế chiều cao, tùy từng loại cây, từng loại cảnh cụ thể mà cắt sửa theo yêu cầu kỹ, mỹ thuật, không chế chiều cao từ 8 đến 12 m.
- Thu dọn cành, lá cây, thu gom chuyển về vị trí theo quy định.

Đơn vị tính : đồng/cây

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Cắt thấp tán, không chế chiều cao				
CX3.07.01	- Cây loại 1	cây	11.550	946.080	307.175
CX3.07.02	- Cây loại 2	-	13.860	1.261.440	387.884

CX3.08.00 Gỡ phụ sinh cây cổ thụ*Thành phần công việc:*

- Cảnh giới giao thông.
- Tháo dỡ phụ sinh đeo bám ảnh hưởng đến sức sống cây trồng và mỹ quan đô thị.

Đơn vị tính : đồng/cây

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
CX3.08.01	Gỡ phụ sinh cây cổ thụ	cây		1.681.920	355.600

CX3.09.00 Giải toả cây gãy, đổ

Thành phần công việc:

- Nhận kế hoạch, khảo sát hiện trường, thông báo cắt điện.
- Chuẩn bị dụng cụ giao thông, cảnh giới giao thông.
- Giải toả cây đổ ngã, xử lý cành nhánh, thân cây, đào gốc, vận chuyển về nơi quy định phạm vi 5km, san phẳng hố đào gốc cây.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.

Đơn vị tính : đồng/cây

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Giải toả cây gãy, đổ				
CX3.09.01	- Cây loại 1	cây		693.792	73.557
CX3.09.02	- Cây loại 2	-		1.471.680	556.810
CX3.09.03	- Cây loại 3	-		3.153.600	996.900

CX3.10.00 Đốn hạ cây sâu bệnh

Thành phần công việc:

- Khảo sát, lập kế hoạch, liên hệ cắt điện, chuẩn bị dụng cụ, giải phóng mặt bằng, cảnh giới giao thông.
- Đốn hạ cây, chặt, cưa thân cây thành từng khúc để tại chỗ.
- Đào gốc san lấp hoàn trả mặt bằng.
- Thu gọn cành lá, vận chuyển gốc cây về nơi quy định, cự ly vận chuyển trong phạm vi 5km.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.

Đơn vị tính : đồng/cây

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Đốn hạ cây sâu bệnh,				
CX3.10.01	- Cây loại 1	cây		682.112	136.217
CX3.10.02	- Cây loại 2	-		2.670.048	901.226
CX3.10.03	- Cây loại 3	-		4.520.160	1.641.814

CX3.11.00 Quét vôi gốc cây*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vôi và nước tời vôi.
- Lọc vôi, quét vôi gốc cao 1m tính từ mặt đất gốc cây, thực hiện bình quân 3 lần/năm.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ tại nơi quy định.

Đơn vị tính : đồng/cây

Mã hiệu	Loại công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
CX3.11.01	Quét vôi gốc cây, - Cây loại 1	cây	461	5.664	
CX3.11.02	- Cây loại 2	-	1.649	9.440	
CX3.11.03	- Cây loại 3	-	3.297	21.334	

MỤC LỤC

Mã hiệu	Nội dung	Trang
	Thuyết minh và hướng dẫn sử dụng	1
	Bảng giá vật liệu	4
	Bảng đơn giá nhân công	6
	Bảng giá ca máy thiết bị	7
	Chương I : Duy trì thảm cỏ	
CX1.01.00	Tưới nước thảm cỏ thuần chủng và không thuần chủng (tiểu đảo, dải phân cách...)	8
CX1.01.10	Tưới nước giếng khoan thảm cỏ thuần chủng bằng máy bơm	8
CX1.01.20	Tưới nước thảm cỏ thuần chủng bằng thủ công	8
CX1.01.30	Tưới nước thảm cỏ thuần chủng bằng xe bồn	9
CX1.01.40	Tưới nước giếng khoan thảm cỏ không thuần chủng (tiểu đảo, dải phân cách...)	9
CX1.01.50	Tưới nước thảm cỏ không thuần chủng (tiểu đảo, dải phân cách...) bằng thủ công	9
CX1.01.60	Tưới nước thảm cỏ không thuần chủng (tiểu đảo, dải phân cách...) bằng xe bồn	10
CX1.02.00	Phát thảm cỏ thuần chủng và thảm cỏ không thuần chủng (tiểu đảo, dải phân cách...)	10
CX1.02.10	Phát thảm cỏ bằng máy	10
CX1.02.20	Phát thảm cỏ bằng thủ công	10
CX1.02.30	Xén lề cỏ	10
CX1.02.40	Làm cỏ tạp	11
CX1.02.50	Trồng dặm cỏ	11
CX1.02.60	Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ	12
CX1.02.70	Bón phân thảm cỏ	12
	Chương II : Duy trì cây trang trí	
CX2.01.00	Duy trì bồn hoa	13
CX2.01.10	Tưới nước giếng khoan bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng máy bơm	13
CX2.01.20	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng thủ công	13
CX2.01.30	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng xe bồn	14
CX2.02.00	Công tác thay hoa bồn hoa	14
CX2.03.00	Phun thuốc trừ sâu bồn hoa	15
CX2.04.00	Bón phân và xử lý đất bồn hoa	15
CX2.05.00	Trồng dặm bồn cảnh lá màu (bao gồm bồn cảnh ở công viên có hàng rào và không có hàng rào)	15

Mã hiệu	Nội dung	Trang
CX2.06.00	Duy trì cây hàng rào, đường viên	16
CX2.07.00	Trồng dặm cây hàng rào, đường viên	16
CX2.08.00	Tưới nước cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình	17
CX2.08.10	Tưới nước giếng khoan cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình bằng máy bơm	17
CX2.08.20	Tưới nước cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình bằng thủ công	17
CX2.08.30	Tưới nước cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình bằng xe bồn	18
CX2.09.00	Duy trì cây cảnh trở hoa	18
CX2.10.00	Trồng dặm cây cảnh trở hoa	19
CX2.11.00	Duy trì cây cảnh tạo hình	19
	Tưới nước cây cảnh trồng chậu	20
CX2.12.00	Tưới nước giếng khoan cây cảnh trồng chậu bằng máy bơm	20
CX2.12.20	Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng thủ công	20
CX2.12.30	Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng xe bồn	21
CX2.13.00	Thay đất, phân chậu cảnh	21
CX2.14.00	Duy trì cây cảnh trồng chậu	22
CX2.15.00	Trồng dặm cây cảnh trồng chậu	22
CX2.16.00	Thay chậu hỏng, vỡ	22
CX2.17.00	Duy trì cây leo	23
	Chương III : Duy trì cây bóng mát	
CX3.01.00	Tưới nước cây bóng mát mới trồng	24
CX3.02.00	Duy trì thâm cỏ cây xanh	25
CX3.03.00	Duy trì cây xanh loại 1	26
CX3.04.00	Duy trì cây xanh loại 2	26
CX3.05.00	Duy trì cây xanh loại 3	27
CX3.06.00	Giải toả cành cây gãy	27
CX3.07.00	Cắt thấp tán, khống chế chiều cao	28
CX3.08.00	Gỡ phụ sinh cây cổ thụ	28
CX3.09.00	Giải toả cây gãy đổ	29
CX3.10.00	Đốn hạ cây sâu bệnh	29
CX3.11.00	Quét vôi gốc cây	30
	Mục lục	31